

Số: 32/TB-AP

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 07 năm 2026

**THÔNG BÁO BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

Về việc bán đấu giá Quyền sử dụng đối với các lô đất ở tại MBQH kèm theo Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 Khu dân cư thôn Câu Đồng (VT3); MBQH kèm theo Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 Khu dân cư thôn Mỹ Khê, xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa

**1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:** Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát. Địa chỉ: Lô 1 + 2 Nơ 7, Mặt bằng 2125, phố Phạm Cường, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá.

**2. Tên, địa chỉ của cơ quan, đơn vị, người có tài sản đấu giá: -**

- Tên cơ quan có tài sản đấu giá: UBND xã Quảng Yên.
- Địa chỉ: Thôn Khang Bình, xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa

**3. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá:**

- Tên đơn vị: Phòng Kinh tế, UBND xã Quảng Yên.
- Địa chỉ: Thôn Khang Bình, xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa.

**3. Tài sản đấu giá, Nơi có tài sản đấu giá**

- **Tài sản đấu giá là:** Quyền sử dụng đối với các lô đất ở tại MBQH kèm theo Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 Khu dân cư thôn Câu Đồng (VT3); MBQH kèm theo Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 Khu dân cư thôn Mỹ Khê, xã Quảng Yên.

- Nơi có tài sản: Khu đất đấu giá ở MBQH kèm theo Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 Khu dân cư thôn Câu Đồng (VT3); MBQH kèm theo Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 Khu dân cư thôn Mỹ Khê, xã Quảng Yên.

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Mục đích đấu giá: Khai thác quỹ đất tạo nguồn thu xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế.

**4. Giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ đấu giá:**

a) Giá khởi điểm: Từ 5.000.000 đồng/m<sup>2</sup> - đến 14.296.000 đồng/m<sup>2</sup>

b) Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: Từ 100.000 đồng – đến 200.000 đồng /01 hồ sơ (Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá không được hoàn trả lại trừ trường hợp Pháp luật có quy định).

**5. Tiền đặt trước:** Từ 304.250.000 đồng - đến 893.500.000 đồng /01 hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá.



## 6. Cách thức nộp tiền đặt trước:

Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào tài khoản số: **3220116868** Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam Vietcombank (VCB) - Chi nhánh Thanh Hóa

**Tên tài khoản:** Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát.

**Thời gian nộp:** Từ 07h00 phút ngày 02/07/2026 đến 18h00 phút ngày 17/07/2026.



**\*Nội dung:** Họ tên người nộp tiền – Số CC/CCCD nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá QSD đất, số lượng lô đất:....., xã Quảng Yên. Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A 0389999999 nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá QSD đất, 05 lô đất xã Quảng Yên.

\*Khách hàng phải nộp đủ số tiền đặt trước theo quy định và đảm bảo báo có trong tài khoản nêu trên của Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát **chậm nhất đến 18h00 phút ngày 17/07/2026**. Nếu đến thời hạn nêu trên, người tham gia đấu giá chưa nộp, nộp chưa đủ, chưa báo có hoặc báo có chưa đủ số tiền đặt trước vào tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát thì không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá.

## 7. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá 01 (một) vòng, bỏ phiếu kín gián tiếp. Đấu giá theo 01 m<sup>2</sup> đất để tính giá trị quyền sử dụng đất:
- Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

## 8. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá (Trong giờ hành chính).

- Thời gian: Từ ngày 13/07/2026 đến ngày 15/07/2026.
- Địa điểm: Tại thực địa khu đất đấu giá thuộc MBQH kèm theo Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 Khu dân cư thôn Câu Đồng (VT3); MBQH kèm theo Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 Khu dân cư thôn Mỹ Khê, xã Quảng Yên.

## 9. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, thu hồ sơ, thu phiếu trả giá (Trong giờ hành chính):

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ:
- Tại Trụ sở Công ty đấu giá Anh Phát và UBND xã Quảng Yên:** Từ 07h00 phút ngày 02/07/2026 đến 17h00 phút ngày 17/07/2026.
- Thời gian, địa điểm thu hồ sơ (Trong giờ hành chính):
- + **Tại Trụ sở Công ty đấu giá Anh Phát:** Từ 07h00 phút ngày 02/07/2026 đến 17h00 phút ngày 17/07/2026.
- + **Tại UBND xã Quảng Yên:** Từ 07h00 phút đến 17h00 phút ngày 17/07/2026
- Thời gian địa điểm thu phiếu trả giá (Trong giờ hành chính):
- + Nộp trực tiếp tại trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát và UBND xã Quảng Yên: Từ 07h00 phút đến 17h00 phút ngày 17/07/2026.
- + Đối với trường hợp khách hàng nộp phiếu qua đường bưu chính (bằng chuyển phát nhanh có báo phát) thì gửi đến địa chỉ trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát chậm nhất đến 17h00 phút ngày 17/07/2026.

\* Thời điểm kết thúc nhận Phiếu trả giá và niêm phong đóng thùng phiếu trả giá: 17h00 phút ngày 17/07/2026.

**10. Người được tham gia đấu giá, điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng đất và cách thức đăng ký tham gia đấu giá**

**10.1 Người được tham gia đấu giá:**

Cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại Khoản 4, Điều 125, Luật Đất đai 2024, thuộc đối tượng được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và có nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

**10.2. Điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng đất:**

- Người tham gia đấu giá phải thuộc đối tượng được tham gia đấu giá theo quy định đã được nêu tại mục 10.1 nêu trên và theo quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật Đất đai 2024 và có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 38 của Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024.

- Không thuộc đối tượng bị cấm tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/20226 của Chính phủ quy định về xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

**10.3. Cách thức đăng ký tham gia đấu giá:**

Khách hàng có nhu cầu tham gia đấu giá mua hồ sơ, đăng ký và xem tài sản đấu giá, nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá hợp lệ và nộp tiền đặt trước theo thời gian quy định trong Thông báo và trong Quy chế cuộc đấu giá do Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát ban hành.

**11. Thời gian, địa điểm tổ chức buổi công bố giá:**

- Bắt đầu từ 07h30 phút ngày 22/07/2026 tại Hội trường Trung tâm văn hóa xã Quảng Yên; Địa chỉ: Thôn Trung Đào, xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa.

*Lưu ý: Người tham gia đấu giá phải có mặt tại địa điểm tổ chức phiên đấu giá trước thời gian bắt đầu phiên đấu giá 30 phút để thực hiện điểm danh vào phòng đấu giá. Người tham gia đấu giá mang theo CC/CCCD/Hộ chiếu bản chính, Văn bản ủy quyền (nếu có). Thông báo này thay cho Giấy mời tham gia phiên đấu giá*

Khách hàng tham gia đấu giá tài sản nếu cần biết thêm thông tin chi tiết thì liên hệ: Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát qua số ĐT: 097.550.8686 (Trong giờ hành chính).

**Nơi nhận:**

- Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa (Để đăng thông báo);
- Công đấu giá tài sản Quốc gia (Để đăng thông báo);
- Báo và đài phát thanh - Truyền hình thanh hóa (Để đăng thông báo);
- UBND xã Quảng Yên (Để B/c);
- Phòng Kinh tế UBND xã Quảng Yên (Để B/c);
- Khách hàng tham gia đấu giá;
- Công ty (Niêm yết, lưu hs, Văn thư).

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**  
  
  
**Quan Thị Hằng**

30  
U G  
P D  
H P  
H O A



**DANH MỤC 117 LÔ ĐẤT TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT  
TẠI MBQH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ QUẢNG YÊN, TỈNH THANH HÓA**  
(Kèm theo Thông báo số 32/TB-AP ngày 01/07/2026 của Công ty đấu giá hợp danh  
Anh Phát)

TT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá khởi điểm (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng/hs)
<b>I. MBQH kèm theo Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 04/8/2023</b>						
1	CL-1: 06	181,60	5.500.000	998.800.000	499.400.000	100.000
2	CL-1: 07	182,60	5.500.000	1.004.300.000	502.150.000	200.000
3	CL-1: 08	183,60	5.500.000	1.009.800.000	504.900.000	200.000
4	CL-1: 09	184,60	5.500.000	1.015.300.000	507.650.000	200.000
5	CL-1: 10	185,60	5.500.000	1.020.800.000	510.400.000	200.000
6	CL-1: 11	186,60	5.500.000	1.026.300.000	513.150.000	200.000
7	CL-1: 12	187,70	5.500.000	1.032.350.000	516.175.000	200.000
8	CL-1: 13	188,70	5.500.000	1.037.850.000	518.925.000	200.000
9	CL-1: 14	185,70	6.000.000	1.114.200.000	557.100.000	200.000
10	CL-2: 01	154,00	6.000.000	924.000.000	462.000.000	100.000
11	CL-2: 02	156,00	5.000.000	780.000.000	390.000.000	100.000
12	CL-2: 03	156,00	5.000.000	780.000.000	390.000.000	100.000
13	CL-2: 04	156,00	5.000.000	780.000.000	390.000.000	100.000
14	CL-2: 05	156,00	5.000.000	780.000.000	390.000.000	100.000
15	CL-2: 06	156,00	5.000.000	780.000.000	390.000.000	100.000
16	CL-2: 07	156,00	5.000.000	780.000.000	390.000.000	100.000
17	CL-2: 08	156,00	5.000.000	780.000.000	390.000.000	100.000
18	CL-2: 09	156,00	5.000.000	780.000.000	390.000.000	100.000
19	CL-2: 10	121,50	6.000.000	729.000.000	364.500.000	100.000
20	CL-2: 11	126,00	5.000.000	630.000.000	315.000.000	100.000
21	CL-2: 12	126,00	5.000.000	630.000.000	315.000.000	100.000
22	CL-2: 13	126,00	5.000.000	630.000.000	315.000.000	100.000
23	CL-2: 14	126,00	5.000.000	630.000.000	315.000.000	100.000
24	CL-2: 15	126,00	5.000.000	630.000.000	315.000.000	100.000
25	CL-2: 16	126,00	5.000.000	630.000.000	315.000.000	100.000
26	CL-2: 17	126,00	5.000.000	630.000.000	315.000.000	100.000
27	CL-2: 18	128,50	6.000.000	771.000.000	385.500.000	100.000
28	CL-2: 19	166,70	5.000.000	833.500.000	416.750.000	100.000

C. T. ANH PHÁT

TT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá khởi điểm (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng/hs)
29	CL-2: 20	165,20	5.000.000	826.000.000	413.000.000	100.000
30	CL-2: 21	163,70	5.000.000	818.500.000	409.250.000	100.000
31	CL-2: 22	162,30	5.000.000	811.500.000	405.750.000	100.000
32	CL-2: 23	160,80	5.000.000	804.000.000	402.000.000	100.000
33	CL-2: 24	159,30	5.000.000	796.500.000	398.250.000	100.000
34	CL-2: 25	157,80	5.000.000	789.000.000	394.500.000	100.000
35	CL-2: 26	156,30	5.000.000	781.500.000	390.750.000	100.000
36	CL-2: 27	153,00	6.000.000	918.000.000	459.000.000	100.000
37	CL-3: 01	163,50	6.000.000	981.000.000	490.500.000	100.000
38	CL-3: 02	168,00	5.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
39	CL-3: 03	168,00	5.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
40	CL-3: 04	168,00	5.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
41	CL-3: 05	168,00	5.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
42	CL-3: 06	168,00	5.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
43	CL-3: 07	168,00	5.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
44	CL-3: 08	168,00	5.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
45	CL-3: 09	168,00	5.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
46	CL-3: 10	168,00	5.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
47	CL-3: 11	168,00	5.500.000	924.000.000	462.000.000	100.000
48	CL-3: 12	168,00	5.500.000	924.000.000	462.000.000	100.000
49	CL-3: 13	166,80	5.000.000	834.000.000	417.000.000	100.000
50	CL-3: 14	166,80	5.000.000	834.000.000	417.000.000	100.000
51	CL-3: 15	166,70	5.000.000	833.500.000	416.750.000	100.000
52	CL-3: 16	166,60	5.000.000	833.000.000	416.500.000	100.000
53	CL-3: 17	166,60	5.000.000	833.000.000	416.500.000	100.000
54	CL-3: 18	122,00	6.000.000	732.000.000	366.000.000	100.000
55	CL-3: 19	137,80	5.000.000	689.000.000	344.500.000	100.000
56	CL-3: 20	144,00	5.000.000	720.000.000	360.000.000	100.000
57	CL-3: 21	150,20	5.000.000	751.000.000	375.500.000	100.000
58	CL-3: 22	156,50	5.000.000	782.500.000	391.250.000	100.000
59	CL-3: 23	162,70	5.000.000	813.500.000	406.750.000	100.000
60	CL-3: 24	169,00	5.000.000	845.000.000	422.500.000	100.000
61	CL-3: 25	175,20	5.000.000	876.000.000	438.000.000	100.000
62	CL-3: 26	181,50	5.000.000	907.500.000	453.750.000	100.000



TT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá khởi điểm (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng/hs)
97	CL-5: 14	158,60	5.500.000	872.300.000	436.150.000	100.000
98	CL-5: 15	194,10	6.000.000	1.164.600.000	582.300.000	200.000
99	CL-5: 16	144,00	5.000.000	720.000.000	360.000.000	100.000
100	CL-5: 17	144,00	5.000.000	720.000.000	360.000.000	100.000
101	CL-5: 18	144,00	5.500.000	792.000.000	396.000.000	100.000
102	CL-5: 19	234,00	5.500.000	1.287.000.000	643.500.000	200.000
103	CL-5: 20	187,20	5.500.000	1.029.600.000	514.800.000	200.000
104	CL-5: 21	187,10	5.500.000	1.029.050.000	514.525.000	200.000
105	CL-5: 22	184,00	5.000.000	920.000.000	460.000.000	100.000
106	CL-5: 23	167,80	5.000.000	839.000.000	419.500.000	100.000
107	CL-5: 24	149,00	5.000.000	745.000.000	372.500.000	100.000
108	CL-5: 25	133,10	5.000.000	665.500.000	332.750.000	100.000
109	CL-5: 26	127,00	5.000.000	635.000.000	317.500.000	100.000
110	CL-5: 27	121,70	5.000.000	608.500.000	304.250.000	100.000
111	CL-5: 28	154,00	5.000.000	770.000.000	385.000.000	100.000
112	CL-5: 29	225,80	6.000.000	1.354.800.000	677.400.000	200.000
<b>Tổng</b>		<b>18.388,20</b>		<b>96.786.950.000</b>	<b>48.393.475.000</b>	
<b>II. MBQH kèm theo quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 Khu dân cư thôn Mỹ Khê, xã Quảng Yên</b>						
113	LK-E:08	125,00	14.296.000	1.787.000.000	893.500.000	200.000
114	LK-E:09	125,00	8.442.000	1.055.250.000	527.625.000	200.000
115	LK-E:29	125,00	8.442.000	1.055.250.000	527.625.000	200.000
116	LK-E:30	150,00	8.442.000	1.266.300.000	633.150.000	200.000
117	LK-E:34	145,50	10.130.400	1.473.973.000	736.987.000	200.000
<b>Tổng</b>		<b>670,50</b>		<b>6.637.773.000</b>	<b>3.318.887.000</b>	
<b>Tổng cộng</b>		<b>19.058,70</b>		<b>103.424.723.000</b>	<b>51.712.362.000</b>	